

Số: **8462** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **06** tháng **12** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Công Thương Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4865/TTr-SCT ngày 27/9/2017 và ý kiến của Sở Tư pháp tại công văn số 2020/STP-KSTTHC ngày 06/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Hà Nội. Trong đó:

Thủ tục hành chính mới ban hành: 02 thủ tục trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước.

Thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 03 thủ tục trong lĩnh vực quản lý giá.

(Có danh mục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Hà Nội bị bãi bỏ kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các sở: Công Thương, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- VP UBND TP; Các PVP P.C.Công, T.V.Dũng;
- Các phòng: NC, KT, TKBT, TH; *u*
- Trung tâm tin học công báo;
- Lưu: VT, NC_(B).



46848 (50)

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC:
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 8462 /QĐ-UBND
ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Hà Nội:

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính cấp Sở:			
1	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi của thương nhân sản xuất, nhập khẩu <i>(trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá)</i>	Lưu thông hàng hóa trong nước	Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016; Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017
2	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi của thương nhân sản xuất, nhập khẩu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016; Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Hà Nội:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Ghi chú
Thủ tục hành chính cấp Sở					
1		Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu xác định giá tối đa đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm	Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai	Quản lý giá	

		sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá)	giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.		
2		Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá)	Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.	Quản lý giá	
3		Tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.	Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.	Quản lý giá	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi của thương nhân sản xuất, nhập khẩu (trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá).

a. Trình tự thực hiện

Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội (ngoài các thương nhân sản xuất, nhập khẩu sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc danh sách đăng ký giá với Bộ Công Thương) gửi 02 bản Biểu mẫu đăng ký giá đến Sở Công Thương.

- Đối với Biểu mẫu gửi trực tiếp:

+ Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và trả ngay 01 Biểu mẫu cho thương nhân đến nộp trực tiếp; đồng thời chuyển ngay 01 bản Biểu mẫu đến đơn vị thụ lý hồ sơ theo thẩm quyền để thực hiện rà soát.

+ Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, số lượng theo quy định, cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu ghi rõ lý do trả lại, các nội dung cần bổ sung và trả lại ngay biểu mẫu cho thương nhân đến nộp trực tiếp.

- Đối với Biểu mẫu gửi qua đường công văn, fax, thư điện tử:

+ Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và gửi ngay theo đường bưu điện 01 bản cho thương nhân; đồng thời chuyển ngay 01 bản Biểu mẫu đến đơn vị thụ lý hồ sơ theo thẩm quyền để thực hiện rà soát.

+ Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, số lượng theo quy định, tối đa không quá 02 ngày kể từ ngày nhận, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản, fax, thư điện tử cho thương nhân để bổ sung thành phần, số lượng Biểu mẫu.

- Hết thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại điểm a, b nêu trên, nếu cơ quan tiếp nhận biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu thương nhân giải trình về các nội dung của biểu mẫu thì thương nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

+ Trường hợp Biểu mẫu có nội dung chưa rõ hoặc cần phải giải trình về các yếu tố hình thành giá thì thương nhân giải trình và gửi văn bản giải trình đến cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo bằng văn bản yêu cầu thương nhân giải trình cho đến ngày cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu nhận văn bản giải trình của thương nhân tính theo dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu hoặc ngày gửi ghi trong thư điện tử của thương nhân.

+ Thời hạn rà soát nội dung văn bản giải trình của thương nhân tối đa không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản giải trình tính theo dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu. Hết thời hạn nêu trên, nếu cơ quan tiếp nhận không có văn bản yêu cầu thương nhân giải trình lại thì thương nhân được điều chỉnh giá theo mức giá và thời gian điều chỉnh đã đề xuất.

b. Cách thức thực hiện

Gửi Biểu mẫu đăng ký giá: Thương nhân lập Biểu mẫu đăng ký giá và gửi đến Sở Công Thương theo một trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp 02 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính của Sở tại số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị).

- Gửi qua đường công văn 02 bộ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị).

- Gửi qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Biểu mẫu có chữ ký và dấu theo địa chỉ email: motcua_soct@hanoi.gov.vn hoặc qua fax: 04.62691288 và gọi điện thông báo cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu theo số điện thoại 04.22155546 . Đồng thời, gửi bổ sung 01 bản chính thức qua đường công văn cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu về địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy - Cầu Giấy - Hà Nội .

c. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ nộp trực tiếp, công văn, fax:

Biểu mẫu đăng ký giá của thương nhân theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT gồm:

+ Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá;

+ Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể;

+ Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa đăng ký giá.

+ 01 Phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị.

- Thành phần hồ sơ gửi qua thư điện tử:

Gửi hồ sơ biểu mẫu qua thư điện tử gồm

+ Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá của thương nhân danh file *.pdf

+ Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể dạng file *.pdf;

+ Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa đăng ký giá dạng file *.pdf.

+ 01 Phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị.

+ 01 bản chính thức theo quy định tại mục a phần 1.3 qua đường công văn cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (Theo mẫu biểu đính kèm)

d. Thời hạn giải quyết

- Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu theo quy định, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu thương nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì thương nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

- Thời hạn rà soát nội dung văn bản giải trình của thương nhân tối đa không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản giải trình tính theo dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu. Hết thời hạn nêu trên, nếu cơ quan tiếp nhận không có văn bản yêu cầu thương nhân giải trình lại thì thương nhân được điều chỉnh giá theo mức giá và thời gian điều chỉnh đã đề xuất.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội (ngoài các thương nhân sản xuất, nhập khẩu sữa thuộc danh sách đăng ký giá với Bộ Công Thương)

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Sở Công Thương Hà Nội

g. Lệ phí

Không

h. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính

Được mua, bán theo giá đã đăng ký.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Trong thời gian nhà nước thực hiện bình ổn giá bằng biện pháp đăng ký giá; khi thương nhân thay đổi giá sản phẩm.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012.

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Phụ lục số 1: BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

Tên đơn vị đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/

..., ngày ... tháng ... năm

V/v: đăng ký giá

Kính gửi: (Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.

2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:

- Địa chỉ đơn vị thực hiện đăng ký:.....

- Số điện thoại liên lạc:

- Email:.....

- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

1. (Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của Công ty.....)

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ).....

Đăng ký giá (bán buôn, bán lẻ):.....cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký hiện hành	Mức giá đăng ký mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

(Ghi chú: Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu đăng ký giá bán buôn thực tế của mình cùng với giá bán lẻ khuyến nghị)

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu			
B	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
C	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
D	Tổng chi phí			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm			
E	Lợi nhuận dự kiến			
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
H	Giá bán dự kiến			

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO
MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng

8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

www.LuatVietnam.vn

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				
b	Chi phí vật liệu				
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
	Tổng giá thành toàn bộ				
5	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO
MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

www.LuatVietnam.vn

2. Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá đối với sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi của thương nhân sản xuất, nhập khẩu.

a. Trình tự thực hiện

Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ các thương nhân đã thực hiện kê khai giá với Bộ Công Thương) gửi 02 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

* Đối với tiếp nhận Biểu mẫu:

- Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và trả ngay 01 Biểu mẫu cho thương nhân đến nộp trực tiếp; đồng thời chuyển ngay 01 Biểu mẫu đến đơn vị thụ lý hồ sơ theo thẩm quyền để thực hiện rà soát.

- Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, số lượng theo quy định, tối đa không quá 02 ngày kể từ ngày nhận, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản, fax, thư điện tử cho thương nhân để bổ sung thành phần, số lượng Biểu mẫu.

* Thương nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần nội dung Biểu mẫu theo quy định và nộp lại cho cơ quan tiếp nhận trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận thông báo bổ sung hồ sơ.

* Khi điều chỉnh giá trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liền kề trước đó, thương nhân gửi thông báo điều chỉnh giá thay cho kê khai giá. Trường hợp lũy kế các lần thông báo điều chỉnh vượt mức 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liền kề trước đó, thương nhân phải thực hiện kê khai giá.

* Trường hợp kê khai giảm giá, thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi đến cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu theo quy định.

b. Cách thức thực hiện

Gửi Biểu mẫu kê khai giá: Thương nhân gửi Biểu mẫu kê khai giá đến Sở Công Thương theo 01 trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp 02 hồ sơ kê khai giá tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính của Sở tại số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội, nhận kết quả thủ tục hành chính tại bộ phận này.

- Gửi qua đường công văn 02 hồ sơ kê khai giá cho Sở Công Thương (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị); Nhận kết quả qua đường công văn.

- Gửi qua thư điện tử kèm bản scan Biểu mẫu kê khai giá có chữ ký và dấu theo địa chỉ thư điện tử: motcua_soct@hanoi.gov.vn hoặc qua fax: 04.62691288 và gọi điện thông báo cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu theo số điện thoại 04.22155546. Đồng thời, gửi bổ sung 01 bản chính thức qua đường công văn cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá về địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội; Nhận kết quả qua đường công văn.

c. Thành phần Hồ sơ, số lượng

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Biểu mẫu kê khai giá của thương nhân
- Bảng kê khai mức giá cụ thể gắn với chất lượng hàng hóa dịch vụ.
- * Nhận hồ sơ thư điện tử
- Gửi hồ sơ biểu mẫu qua thư điện tử gồm
 - + Biểu mẫu kê khai giá của thương nhân dạng file *.pdf
 - + Bảng kê khai mức giá cụ thể gắn với chất lượng hàng hóa dịch vụ dạng file *.pdf;
 - + Đính kèm hồ sơ liên quan dạng file *.doc (nếu có).
- * 01 Phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị.
- * Số lượng hồ sơ: 02 bộ (Theo mẫu biểu đính kèm)

d. Thời gian giải quyết

Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, nội dung theo quy định, cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và gửi ngay theo đường công văn 01 bản cho thương nhân.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (trừ các thương nhân đã thực hiện kê khai giá với Bộ Công Thương).

f. Cơ quan thực hiện TTHC

Sở Công Thương Hà Nội

g. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Được mua, bán theo giá đã kê khai.

h. Lệ phí

Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Thông báo giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012.
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục số 2: MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v kê khai giá hàng hóa,
dịch vụ bán trong nước

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị
thực hiện kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá kê khai bán (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị cùng với giá bán buôn thực tế của doanh nghiệp.

Phụ lục số 3: MẪU THÔNG BÁO MỨC GIÁ

Tên đơn vị thực hiện
thông báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo mức giá điều chỉnh tăng, giảm giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai liền kề trước đó

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo giá....)

Thực hiện Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

... (tên đơn vị thông báo giá) thông báo mức giá sửa hoặc thực phẩm chức năng bán trong nước điều chỉnh trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liền kề trước đó (Bảng thông báo mức giá đính kèm).

Mức giá này thực hiện từ ngày .../... /

... (tên đơn vị thông báo giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện thông báo:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Thông báo mức giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản thông báo giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo mức giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị
thực hiện thông báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm

**BẢNG THÔNG BÁO GIÁ BÁN LẺ
TRONG NƯỚC**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Thông báo giá bán lẻ trong nước: Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai/thông báo liền kề trước	Mức giá thông báo	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú

2. Mức giá thông báo này thực hiện từ ngày.../.../.....

Ghi chú:

Mức giá thông báo là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm.